

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

ĐỀ TÀI:

Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc và quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Giảng viên hướng dẫn : Nguyễn Thế Hùng

Sinh viên thực hiện : Phạm Quang Linh

Lớp : PLT09A01

Mã sinh viên : 22A4040158

Hà nội, ngày 8 tháng 1 năm 2020

Mục lục

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
I. PHÂN TÍCH NỘI DUNG CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN.....	2
1. <i>Khái niệm dân tộc trong quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.....</i>	<i>2</i>
2. <i>Phân tích nội dung Cương lĩnh Dân tộc của chủ nghĩa Mac-Lenin.....</i>	<i>2</i>
3. <i>Vấn đề của các dân tộc trên thế giới.....</i>	<i>4</i>
II. PHÂN TÍCH QUAN ĐIỂM, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	6
1. <i>Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam qua các thời kì. .</i>	<i>6</i>
a) <i>Thời kỳ từ khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam cho tới lúc Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (1930 - 1945).</i>	<i>6</i>
b) <i>Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).</i>	<i>7</i>
c) <i>Thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975).....</i>	<i>8</i>
d) <i>Thời kì xây dựng và bảo vệ đất nước đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá từ năm 1975 đến nay.</i>	<i>9</i>
2. <i>Quan điểm của em về vai trò của Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện chính sách dân tộc trong giai đoạn hiện nay.</i>	<i>10</i>
TÀI LIỆU THAM KHẢO	12

Lời mở đầu

Vấn đề dân tộc là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược của cách mạng XHCN và hiện nay cũng đang là một vấn đề thực tiễn nóng bỏng. Hàng ngày, hàng giờ qua các phương tiện thông tin đại chúng, chúng ta luôn được nghe, được thấy các cuộc chiến tranh đã, đang và nhiều nơi trên thế giới có nguy cơ xảy ra chiến tranh giữa các dân tộc, sắc tộc. Những vấn đề về chiến tranh dân tộc đang đặt ra trên thế giới đòi hỏi phải được giải quyết một cách đúng đắn và thận trọng. Thế giới đã có những giải pháp khác nhau từ đàm phán chính trị đến quân sự... nhưng nó chỉ có thể tạm lắng xuống vào từng thời điểm và luôn có nguy cơ bùng nổ trở lại. Sở dĩ như vậy là vì các giải pháp đưa ra không hoàn chỉnh, triệt để, thậm chí chỉ là những mưu lược để “nén” vấn đề dân tộc lại.

Để giải quyết tốt vấn đề dân tộc, cần hiểu rõ vấn đề dân tộc và mối quan hệ giữa các dân tộc cần giải quyết ra sao, qua đó xác định được tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề dân tộc, xác định xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc và từ đó đề ra phương hướng giải quyết tốt nhất, triệt để nhất. Điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở nghiên cứu và vận dụng các quan điểm khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc.

I. Phân tích nội dung cương lĩnh dân tộc của Chủ nghĩa Mác-Lênin.

1. Khái niệm dân tộc trong quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Trước hết chúng ta cần hiểu khái niệm dân tộc trong quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin. Dân tộc là một quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người. Trước khi dân tộc xuất hiện, loài người đã trải qua những hình thức cộng đồng từ thấp đến cao: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc. Cho đến nay, khái niệm dân tộc được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, trong đó có hai nghĩa được dùng phổ biến nhất.

Nghĩa thứ nhất, dân tộc chỉ cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung sinh hoạt khiinh tế, có ngôn ngữ riêng, có những nét đặc thù về văn hóa; xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc; kế thừa, phát triển cao hơn những nhân tố tộc người ở bộ lạc, bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác tộc người của dân cư cộng đồng đó. Với nghĩa này, dân tộc là bộ phận của quốc gia-Quốc gia có nhiều dân tộc. Ví dụ như dân tộc Kinh, dân tộc Tày, dân tộc Mường, ...

Hiểu theo nghĩa thứ hai, dân tộc chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nân dân một nước, có lãnh thổ quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Với nghĩa này, dân tộc là toàn bộ nhân dân của quốc gia đó, ví dụ: dân tộc Việt Nam, dân tộc Lào, dân tộc Trung Hoa,...

2. Phân tích nội dung Cương lĩnh Dân tộc của chủ nghĩa Mac-Lenin.

Dựa trên sự phân tích hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc và dựa trên sự tổng kết kinh nghiệm phong trào cách mạng thế giới trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, Lênin đã đưa ra Cương lĩnh Dân tộc với 3 vấn đề chính bao gồm:

Một là các dân tộc hoàn toàn bình đẳng: Quyền bình đẳng của các dân tộc là quyền thiêng liêng, không phân biệt dân tộc đông người hay ít người, lớn

hay nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp, không phân biệt chủng tộc, màu da.... Nghĩa là tất cả đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau. Thực chất của bình đẳng dân tộc là xóa bỏ sự nô dịch của dân tộc này đối với dân tộc khác. Từng bước xóa bỏ sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc. Bình đẳng phải được thực hiện trên tất cả các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.... Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và phải được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên phạm vi giữa các quốc gia, đấu tranh cho quyền bình đẳng dân tộc trong giai đoạn hiện nay phải gắn với cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc, chống chủ nghĩa sô vanh (nước lớn bắt nạt nước bé), chống sự áp bức, bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước chậm phát triển về kinh tế.

Hai là các dân tộc được quyền tự quyết: là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự quyết định chế độ chính trị xã hội và con đường phát triển riêng không bị lệ thuộc vào bên ngoài. Đây cũng là quyền thiêng liêng cơ bản của mỗi dân tộc. Bao gồm: Quyền tự do độc lập về chính trị, quyền thành lập một quốc gia dân tộc độc lập vì lợi ích của các dân tộc chứ không phải xuất phát từ mưu đồ lợi ích của một nhóm người nào đó. Và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi để có đủ sức mạnh chống nguy cơ xâm lược từ bên ngoài, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia dân tộc. Khi xem xét quyền tự quyết của dân tộc cần phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu thủ đoạn, lợi dụng chiêu bài dân tộc tự quyết để can thiệp vũ trang và áp bức các dân tộc khác.

Ba là liên hiệp công nhân giữa các dân tộc: đó là sự đoàn kết của giai cấp công nhân các dân tộc trên toàn thế giới để đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, nhằm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Đó là tư tưởng cơ bản trong Cương lĩnh, nó phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân. Điều đó xuất phát từ bản chất quốc tế, tinh thần

quốc tế vô sản của giai cấp công nhân giải phóng dân tộc mình và giải phóng các dân tộc khác cùng cảnh ngộ; do chủ nghĩa đế quốc, giai cấp tư sản trong các nước tư bản cấu kết nhau, bắt tay nhau chống lại phong trào công nhân, phong trào cách mạng. Vì vậy, giai cấp công nhân phải đoàn kết liên hiệp lại với nhau để đấu tranh chống lại chúng. Vì vậy đoàn kết giai cấp công nhân giữa các quốc gia dân tộc là nhân tố quan trọng để giải quyết các vấn đề dân tộc .

Cả ba nội dung trên đều quan trọng, khi vận dụng cần sáng tạo không được xem nhẹ vấn đề nào. Thực tiễn cách mạng trên thế giới trong thời gian qua đã chứng minh được tính đúng đắn, khoa học, cách mạng của Cương lĩnh. Những nơi nào, thời điểm nào quốc gia nào vận dụng đúng đem lại thành quả hết sức to lớn, ngược lại khi vận dụng sai hoặc bóp méo lý luận dẫn đến thất bại, trì trệ thậm chí bị tan rã, sụp đổ

Sự vận dụng cương lĩnh Lênin ở các nước XHCN trước đây đã tạo nên nhiều thành tựu trong việc giải quyết vấn đề dân tộc. Tình trạng người bóc lột người bị thủ tiêu, tình trạng dân tộc này áp bức dân tộc khác dần bị xóa bỏ, nhiều dân tộc bỏ qua trình độ lạc hậu tiến lên CNXH. Tuy nhiên, cùng với những thành tựu lại phạm phải những sai lầm thiếu sót trầm trọng gây hậu quả tiêu cực nghiêm trọng buộc một số nước phải trả giá đắt. Song hiện nay ở một số nước XHCN, các quan điểm của Lênin về vấn đề dân tộc đã và đang phục hồi phát triển.

3. Vấn đề của các dân tộc trên thế giới.

Hiện nay, trước sự tác động của cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hoá kinh tế diễn ra mạnh mẽ, làm cho quan hệ giai cấp, dân tộc diễn biến phức tạp, khó lường. Như Đảng ta đã nhận định: trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn trong quan hệ giữa các dân tộc. Toàn cầu hoá và các vấn đề toàn cầu làm cho sự hiểu biết lẫn nhau và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc tăng lên, thúc đẩy xu thế khu vực hoá. Đồng thời các dân tộc đề cao ý thức độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, chống can thiệp áp đặt và

cường quyền. Mặt khác, quan hệ dân tộc, sắc tộc hiện nay trên thế giới vẫn diễn ra rất phức tạp, nóng bỏng ở cả phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế. Mâu thuẫn, xung đột dân tộc, sắc tộc, xu hướng li khai, chia rẽ dân tộc đang diễn ra ở khắp các quốc gia, các khu vực, các châu lục trên thế giới,... Đúng như Đảng ta nhận định: "Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, li khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp". Vấn đề quan hệ dân tộc, sắc tộc đã gây nên những hậu quả nặng nề về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường cho các quốc gia, đe dọa hoà bình, an ninh khu vực và thế giới.

Ngày nay, các dân tộc có xu hướng liên kết, hợp tác với nhau trong quan hệ thị trường mở rộng dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi (Ví dụ như thị trường chung châu Âu, châu Á (ASEAN)...). Tuy nhiên, hai xu thế này là một thể thống nhất, mỗi nước đều có chủ quyền độc lập, quyền tự chủ, tự quyết nhằm xây dựng quốc gia dân tộc mình phồn vinh, công bằng, văn minh bên cạnh sự hòa nhập cộng đồng quốc tế. Vấn đề dân tộc, giai cấp đã trở thành một vấn đề vừa có tính quốc gia, vừa có tính quốc tế, vừa có tính thời sự vừa có tính lâu dài. Để giải quyết tốt vấn đề dân tộc, hạn chế và đi tới xóa bỏ được những hận thù, xung đột dân tộc và sắc tộc, điều cốt yếu và cấp bách là phải vận dụng đúng đắn quan điểm của Lê-nin về quyền tự quyết của các dân tộc.

II. Phân tích quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

1. Quan điểm, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam qua các thời kì.

Kể từ sau những năm 30, khi Đảng được thành lập, đất nước ta đã bước vào một thời kì phát triển mới với một hướng đi mới. Đó là thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Và từ đó cho đến nay, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra những đường lối, quan điểm và chính sách đúng đắn trong quá trình đưa đất nước đi lên. Quan điểm và chính sách về vấn đề dân tộc ở nước ta là một trong số đó. Từ lúc chính sách được đưa ra cho đến nay, Đảng và Nhà nước đã nhiều lần sửa đổi để phù hợp với hoàn cảnh của đất nước. Cụ thể là 4 lần tương ứng với 4 mốc thời kì của đất nước.

a) Thời kỳ từ khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam cho tới lúc Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (1930 - 1945).

Trong cương lĩnh chính trị đầu tiên, đối với vấn đề dân tộc, Đảng ta đã khẳng định: Nhiệm vụ tối cao của cách mạng Việt Nam là “Độc lập dân tộc và người cày có ruộng”. Khẩu hiệu đó đã hiệu triệu được hàng triệu người dân Việt Nam đi theo Đảng, làm cách mạng để giải phóng mình, bởi nó phù hợp với nguyện vọng và khát vọng của các dân tộc. Nhằm mục đích chống đế quốc Pháp và giải phóng dân tộc, từ 1930 - 1945, Đảng ta đã thành lập được nhiều mặt trận trên cơ sở tập hợp đông đảo các lực lượng yêu nước, không phân biệt dân tộc, tôn giáo. Chính các mặt trận này đã tạo nên một khối thống nhất, có sức mạnh to lớn, góp phần quan trọng làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Sự toàn thắng của cách mạng và sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á là thắng lợi chung của tất cả các dân tộc ở Việt Nam, trong đó có các dân tộc thiểu số anh em.

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngay từ khi ra đời, trong Hiến pháp đầu tiên (1946), đã khẳng định: “Các dân tộc thiểu số được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”. Điều đó cho thấy Nhà nước không những công nhận sự tồn tại của các dân tộc mà còn khẳng định sự bình đẳng về lợi ích và nghĩa vụ của tất cả các dân tộc. Chính điều này đã tạo nên cơ sở pháp lý vững chắc để đồng bào tin tưởng và ủng hộ cách mạng.

b) Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

Trước những hành động khiêu khích thể hiện dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “... Bất kỳ người đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc”. Trên cơ sở thực hiện chính sách dân tộc có hiệu quả của Đảng và Nhà nước ta, chúng ta đã giành được nhiều thắng lợi quân sự quan trọng, tiêu biểu là chiến dịch Biên giới - Thu Đông 1950. Những thắng lợi đó, ngoài vai trò của yếu tố quân sự thì còn phải kể đến sự ủng hộ, giúp sức của đồng bào các dân tộc thiểu số. Đồng bào các dân tộc đã cùng với toàn thể dân tộc bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ, sinh ra cho dân tộc những tấm gương anh hùng tiêu biểu như Bé Văn Đàn, La Văn Cầu (dân tộc Tày), anh hùng Núp (dân tộc Ba Na)...

Tháng 8/1952, Nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề dân tộc có khẳng định: “Đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng tương trợ để giúp nhau tiến bộ về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá”. **Đây là chính sách dân tộc toàn diện đầu tiên của Đảng ta, phù hợp với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng.** Nhờ có một chính sách toàn diện như vậy, Đảng ta đã tập hợp được toàn thể dân tộc trong đó có các dân tộc thiểu số anh em cùng hướng vào mục tiêu chung là đánh đuổi thực dân Pháp trong trận quyết chiến lịch sử tại Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng là

thành quả của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của toàn thể dân tộc (1946-1954) và là niềm tự hào của dân tộc anh em vùng Tây Bắc.

c) Thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975).

Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 15 (13/01/1959) đã xác định con đường cách mạng miền Nam: Phải kết hợp giữa 3 mũi giáp công là chính trị, quân sự, binh vận, kết hợp 3 vùng là đô thị, đồng bằng, miền núi. Theo tinh thần của Nghị quyết, miền núi là địa bàn chiến lược quan trọng và các dân tộc thiểu số là lực lượng cách mạng to lớn. Ngày 10/09/1960, Đại hội toàn quốc lần thứ 3 của Đảng đã họp và đề ra nhiệm vụ, đường lối của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó đề cập tới vấn đề dân tộc: “Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, các dân tộc đa số và thiểu số có một truyền thống đoàn kết anh em. Đảng và Nhà nước ta cần phải có kế hoạch toàn diện và lâu dài phát triển kinh tế và văn hoá ở miền núi tiến kịp miền xuôi, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc đa số, giúp các dân tộc phát huy tinh thần cách mạng và khả năng to lớn của mình. Trong cán bộ cũng như trong nhân dân cần khắc phục tư tưởng dân tộc hẹp hòi, đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc để cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội”. Từ 1960-1975, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra hàng loạt các Nghị định về vấn đề dân tộc góp phần xây dựng khối đoàn kết toàn dân vững mạnh cũng như cùng nhau phát triển, đi lên.

Có thể thấy rằng, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta được khẳng định là một bộ phận không thể thiếu của chiến lược xây dựng, bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chính sách này đã tiếp tục đi vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, động viên các dân tộc thiểu số anh em ở mỗi miền thực hiện nhiệm vụ của mình. Ở miền Bắc, các dân tộc thiểu số cùng toàn thể nhân dân miền Bắc tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội, chống chiến tranh phá hoại, leo thang của giặc Mỹ, xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Ở miền Nam, các dân tộc thiểu số đã sát cánh cùng người Kinh

cống hiến sức lực, xương máu để làm nên chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Do đó thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ là thắng lợi chung của toàn thể dân tộc. Trong đó có các dân tộc thiểu số anh em, là thắng lợi của chính sách dân tộc đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta trong suốt 21 năm chống Mỹ cứu nước.

d) Thời kì xây dựng và bảo vệ đất nước đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá từ năm 1975 đến nay.

Ngay sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Ban Bí thư Trung ương đã họp, có một số ý kiến về công tác dân tộc trong tình hình mới: “Ngày nay, Nhà nước đã thống nhất. Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Đó là nguồn sức mạnh và là nguyên tắc cao nhất, dù Kinh hay Thượng, dù người dân tộc ở vùng này hay vùng khác trước hết đều là người Việt Nam ở trong Tổ quốc Việt Nam thống nhất. Phải tiếp tục thực hiện phương hướng công tác dân tộc đã được xác định trong nội quy Đại hội Đảng lần thứ 3, thực hiện đầy đủ quyền bình đẳng giữa các dân tộc, động viên đồng bào dân tộc trong cả nước tham gia tích cực vào việc xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, củng cố quốc phòng, chống lại mọi âm mưu chia rẽ các dân tộc của đế quốc và bọn tay sai của chúng. Trong giai đoạn mới, phải sớm có những chủ trương, chính sách, đi đôi với những biện pháp tích cực để chăm sóc sức khoẻ, cải thiện đời sống văn hoá của đồng bào các dân tộc”.

Phát triển thêm một bước, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã đề ra chính sách dân tộc trong công cuộc đổi mới đất nước. Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: “Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt Nam... Chính sách dân tộc của Đảng là thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, tạo những điều kiện cần thiết để xoá bỏ tận gốc những chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hoá giữa các dân tộc ít người và dân tộc đông người, đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp, làm cho tất cả các dân tộc

đều có cuộc sống ấm no, văn minh và hạnh phúc, đoàn kết giúp đỡ nhau tiến bộ, cùng làm chủ tập thể Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”

2. Quan điểm của em về vai trò của về vai trò của Đảng cộng sản và Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện chính sách dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

Hiện nay, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chủ yếu sống tại miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới nên đời sống còn gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn cả về vật chất và tinh thần. Tình trạng trên không những làm cho dân tộc thiểu số khó vươn lên hòa nhập cùng với sự phát triển chung của cả nước, mà còn tạo ra khoảng cách phát triển giữa các dân tộc, tiềm ẩn những yếu tố có thể gây mất ổn định chính trị, xã hội, nhất là khi bị các thế lực thù địch lợi dụng. Do đó, Đảng ta luôn coi trọng vấn đề dân tộc, coi việc giải quyết vấn đề dân tộc vừa là vấn đề giai cấp, miền núi, biên cương, an ninh quốc gia và chủ quyền lãnh thổ, vừa là vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Hơn thế nữa, Đảng ta tiếp tục thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến vấn đề bình đẳng trong khối đại đoàn kết các dân tộc: “Thực hiện tốt mục tiêu đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết dân tộc... Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin và bảo đảm quyền được thông tin và tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt ở các vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số” (20); “Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền và giữa các giai tầng xã hội”

Như vậy có thể thấy rằng nếu như trong thời chiến, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta có tác dụng cổ vũ, khích lệ tinh thần cách mạng của đồng bào dân tộc thiểu số kháng chiến, làm nên thắng lợi lịch sử của dân tộc thì trong thời kì đổi mới, chính sách ấy có ý nghĩa củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tạo ra khối sức mạnh tổng hợp để thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ổn định tình hình an ninh, chính trị của đất nước.

Để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, trước hết, cần tuyên truyền, vận động nhân dân. Thứ hai, Đảng và hệ thống chính trị phải trong

sạch, vững mạnh. Về Nhà nước, Đảng phải làm cho Nhà nước thật sự là của dân, do dân, vì dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là cầu nối gắn kết Đảng, Nhà nước với nhân dân. Coi đoàn kết là lẽ sống, đạo lý của Đảng, của dân tộc ta trong dựng nước và giữ nước, mỗi cán bộ, đảng viên phải coi đoàn kết là một đức tính cơ bản của người cách mạng. Là một sinh viên đang trong quá trình học tập và rèn luyện, em sẽ cố trau dồi để hoàn thiện tư tưởng, nhận thức cũng như tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, ủng hộ chính sách dân tộc của Đảng, góp phần củng cố nhận thức của những người xung quanh để mọi người cùng đồng lòng phát huy truyền thống và sức mạnh đoàn kết dân tộc của nước ta.

Tài liệu tham khảo

<https://moha.gov.vn/ngghi-quyet-tw4/gioi-thieu-nqtw4/cung-co-phat-trien-khoi-dai-doan-ket-toan-dan-toc-hien-nay-theo-tu-tuong-ho-chi-minh-44095.html>

<https://123doc.net/document/2035943-van-de-8-noi-dung-cuong-linh-dan-toc-cua-lenin-va-duong-loi-chinh-sach-dan-toc-cua-dang-nha-nuoc-ta-ngay-nay-pptx.htm#>

<https://truongchinhtribackan.gov.vn/tim-hieu-nhung-noi-dung-co-ban-trong-cuong-linh-dan-toc-cua-chu-nghia-mac-lenin/>

<http://tapchimattran.vn/ngghien-cuu/duong-loi-chinh-sach-dan-toc-cua-dang-va-nha-nuoc-viet-nam-qua-cac-thoi-ky-cach-mang-35102.html>

<https://vov.vn/vov-binh-luan/van-de-dan-toc-dang-noi-com-127762.vov>

<https://luatquanghuy.vn/cuong-linh-dan-toc-cua-lenin-va-su-van-dung-cuong-linh-nay-cua-dang-va-nha-nuoc-ta-hien-nay/>